| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯ SÊ**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vương Đức Phượng
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nay H'Chim
2. Ông Siu Tơ Lul

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thanh Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 19xx; Địa chỉ: thôn Hương P, xã I, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai (có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Thôn Mỹ T, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau 02 năm tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Quốc T được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2015 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mặc dù đã rất cố gắng sống vì con nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tình cảm

vợ chồng rạn nứt. Chị và anh T không sống chung với nhau từ ngày 28/5/2019. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Quốc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012; Và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019. Từ khi chị và anh T không sống chung với nhau, hai con đều do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng do đó chị yêu cầu tiếp tục được nuôi hai cháu K và Tr. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2020 thể hiện ý kiến:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cải vả nên chị H bỏ về nhà mẹ năm 2019. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012; Và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con và đồng ý theo quyết định của chị H. Anh không tranh chấp gì.

Về tài sản chung và vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn đều không có mặt tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2020. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quốc T là hợp lý.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T; Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012; Và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 02 năm 2020, chị Nguyễn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Cùng với đơn khởi kiện chị H đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đầy đủ; Anh Nguyễn Quốc T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Mỹ T, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2020. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quốc T là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2015 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị H cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh từ năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh T đã không còn sống chung với nhau từ 28/5/2019. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Đồng thời anh T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/5/2020 thể hiện vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 51, 58 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012; Và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T không sống chung với nhau thì cháu K và cháu Tr do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc. Anh T cũng đồng ý giao con và đồng ý theo quyết định của chị H. Đồng thời cháu K có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012; Và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã

thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung:

Giao 02 cháu Nguyễn Quốc Bảo K, sinh ngày 23/12/2012 và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 28/05/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về vay nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào Công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa

án số 0002764 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/7/2020), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
*(đã ký và đóng dấu)*

**Vương Đức Phượng**

***Nơi nhận:***
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư Sê;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.